

Bản án số: 68/2020/DS - PT.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020.

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Tạ Văn Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2020/DS -PT ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS - ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2020/QĐXX - PT ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1947; Cư trú tại: Khu 01, xã N, huyện Đ, tỉnh P (có mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1957; Cư trú tại: Khu 1, xã N, huyện Đ, tỉnh P (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Đới Văn H; Cư trú tại: Khu 1, xã N, huyện Đ, tỉnh P.
2. Ông Đỗ Văn N; Cư trú tại: Khu 1, xã N, huyện Đ, tỉnh P.
3. Anh Đỗ Văn T; Cư trú tại: Khu 1, xã N, huyện Đ, tỉnh P.
4. Anh Triệu Quang L; Cư trú tại: Khu 2, xã N, huyện Đ, tỉnh P.
5. Ông Đỗ Văn H; Cư trú tại: Khu 1, xã N, huyện Đ, tỉnh P.
6. Anh Nguyễn Văn Đ; Cư trú tại: Khu 6, xã Y, huyện Đ, tỉnh P

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Vũ Thị H trình bày: Năm 2007, ông Đỗ Văn T có bàn với bà và ông Đới Văn H bỏ đất ra để cùng làm đường cho dân đi vào núi Đẩu, sau đó thu tiền phí của họ và chia nhau. Các bên đều đồng ý và thỏa thuận miệng với nhau, không có giấy tờ gì và không ai làm chứng. Sau đó, ông T thuê máy móc, san ủi đất làm đường, có cả

phần đất hiến của bà và ông H. Đến đợt khai thác, các hộ thu mua cây đi vào núi Đầu để khai thác, đi qua con đường đó và trả tiền phí cho ông T. Bà được biết, ông T đã thu của ông Đỗ Văn H 20.000.000đ, anh Đỗ Văn T 15.000.000đ, anh Triệu Quang L 5.000.000đ. Ông T chia cho bà 2.000.000đ (vào năm 2016), chia cho ông H 3.000.000đ. Ngoài ra không đưa thêm đồng nào khác. Nay bà khởi kiện, yêu cầu ông T chia cho bà số tiền đã thỏa thuận, cụ thể bà yêu cầu chia 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Bị đơn là ông Đỗ Văn T trình bày: Nhà ông ở gần núi Đầu, trên núi có nhiều đồi cây của các hộ gia đình, trong đó có đồi cây của gia đình ông, ông H và ông N (bà H không có đồi cây trên đó). Trước đây, để vào núi Đầu khai thác, chỉ có con đường mòn rộng khoảng 1-2m, xe ô tô không thể vào được. Vì vậy, năm 2007, ông đã bàn với ông H, ông N cùng nhau hiến đất chung tay để làm đường đi vào núi Đầu để thuận lợi khai thác cùng các hộ dân khác. Cụ thể ông H hiến 20m² đất, ông N khoảng 140m² đất, ông bỏ ra 27.000.000đ và đất. Các bên không thỏa thuận về việc thu phí của mọi người qua đường.

Vào vụ thu hoạch, những người buôn cây có lãi nhiều nên họ có đưa cho ông số tiền 20.000.000đ để trả công cho ông. Quá trình máy móc san ủi đường, có làm thiệt hại của bà H, ông N, ông H 1 số cây cối nên ông đã chủ động đưa cho bà H 2.000.000đ, đưa cho ông N 5.000.000đ, đưa cho ông H 5.000.000đ để khắc phục thiệt hại. Nay bà H khởi kiện, yêu cầu ông chia cho bà số tiền 10.000.000đ, ông không nhất trí vì không có thỏa thuận, giao kết gì với bà H.

Ông Đỗ Văn N trình bày: Ông có hiến đất để mở rộng đường vào núi Đầu cùng ông T và ông H. Các bên không thỏa thuận thu phụ phí gì để chia nhau. Quá trình san ủi làm đường, có làm thiệt hại 1 số hoa màu của ông nên sau đó, ông T đã đưa cho ông 5.000.000đ để khắc phục thiệt hại. Việc mở rộng đường chỉ liên quan đến ông, ông T và ông H. Giữa ông T và bà H có thỏa thuận gì với nhau về việc chia tiền nông không thì ông không biết nhưng bà H không liên quan gì đến việc hiến đất làm đường.

Ông Đỗ Văn H trình bày: Ông xác nhận việc cùng ông T và ông N cùng nhau hiến đất mở rộng đường. Các bên không thỏa thuận thu phí, chia lợi nhuận mà ông T chỉ nói sau này bảo họ hỗ trợ 1 chút chi phí làm đường. Quá trình san ủi làm đường, có làm thiệt hại 1 bãi ngô của ông nên sau đó, ông T đã đưa cho ông 2.000.000đ – 3.000.000đ (ông không nhớ rõ cụ thể) để khắc phục thiệt hại. Việc mở rộng đường chỉ liên quan đến ông, ông T và ông N. Giữa ông T và bà H có thỏa thuận gì với nhau về việc chia tiền nông không thì ông không biết.

Anh Triệu Quang L, ông Đỗ Văn H, anh Nguyễn Văn Đ đều xác định có việc các hộ dân hiến đất, mở rộng làm đường đi vào núi Đầu. Không có việc thu phí nhưng đều tự đưa cho ông Tít tiền để hỗ trợ chi phí làm đường. Giữa ông T và bà H có thỏa thuận gì với nhau về việc chia tiền nông không thì ông và các anh không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự; căn cứ vào

điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đòi ông Đỗ Văn T trả số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Bản án còn tuyên các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 19/5/2020 bà Vũ Thị H có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS- ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xem xét lại quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho kháng cáo của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS- ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy việc bà H cùng một số người trong xã hiến đất để làm đường là chưa có cơ sở, được thể hiện tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 28/4/2020 (BL 38) thể hiện: “Việc bà H có hiến đất cùng 3 hộ dân trên là chưa có căn cứ vì khi Ủy ban nhân dân xã xuống cùng với trưởng khu hành chính và một số hộ dân xác minh tại đoạn đường nói trên: Ở phía giáp với đoạn đường 3 hộ dân trên mở rộng thì vẫn còn một lối nhỏ giáp với đường 1 bên, 1 bên giáp vườn và u nhà bà H rộng khoảng 1,2m. Ranh giới giáp giữ lối nhỏ đó và đoạn đường mở rộng là các cọc bê tông và cọc gỗ, không liên quan đến phần đất nhà bà H”. Tại Công văn số 23/UBND-ĐC-TP ngày 24/02/2018 về việc trả lời kết quả giải quyết đơn thư của công dân (BL 46) thể hiện: Không có căn cứ để xác định đoạn đường mới lấn sang đất nhà bà H vì diện tích đất vầu bà H đang tự ý canh tác không nằm trong diện tích đất bà được Nhà nước cho phép sử dụng. Đồng thời, lời khai của những người làm chứng là ông Đỗ Văn N, ông Đới Văn H, ông Đỗ Văn H đều có quan điểm con đường vào núi Đầu nhỏ hẹp, xe ô tô không vào được để khai thác lâm sản ông N, ông Hoa, ông H đã cùng nhau hiến đất để làm con đường này vì trong đó còn có đôi cây của nhà các ông. Anh Triệu Quang L, ông Đỗ Văn H, anh Nguyễn Văn Đ là những người phương tiện đi trên con đường này đều xác định có việc các hộ hiến đất làm đường, không có việc thu phí và các ông tự nguyện đưa cho ông T một ít tiền để hỗ trợ chi phí làm đường và thiệt hại về cây cối. Việc thỏa thuận mở rộng đường để đi lại cho thuận tiện và không thu phí qua đường. Do vậy, việc bà H khởi kiện yêu cầu ông T về việc phân chia thu phí là không hợp lý. Tại

phiên tòa hôm nay bà H không xuất trình được tài liệu chứng minh có việc thỏa thuận giữa bà và ông T để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy kháng cáo của bà Vũ Thị H không được chấp nhận.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm : Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vũ Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đòi ông Đỗ Văn T trả số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2. Về án phí Dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị H được miễn theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

